

**BẢN TÓM TẮT NHỮNG ĐIỀU KHOẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ LẦN 8
SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)**

Phần chữ in nghiêng trong Bảng tóm tắt này là những điều khoản được sửa đổi và/hoặc bổ sung trong Dự thảo Điều lệ lần 8 sẽ được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng thành viên lần thứ 7.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH “ĐLL7” (sửa đổi, bổ sung lần thứ 7)	ĐIỀU LỆ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LẦN 8 “ĐLL8” (sửa đổi theo Luật DN 2014)	LÝ DO SỬA ĐỔI
CHƯƠNG I : QUY ĐỊNH CHUNG			
01	Điều 1. Định nghĩa 1.1.6. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; 1.1.9. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty;	Điều 1. Định nghĩa 1.1.6. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; 1.1.9. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;	Sửa đổi theo số hiệu và ngày ban hành Luật Doanh nghiệp 2014 (“ <i>LDN 2014</i> ”). Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều, LDN 2014.
	1.1.15. “Người quản lý công ty” là Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị chỉ định làm các bộ phận của Công ty;	1.1.15. “Người quản lý công ty” có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các Thành viên Ban Tổng Giám đốc khác, Giám đốc chi nhánh và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty;	Sửa đổi theo quy định: Khoản 18, Điều 4, LDN 2014; Điểm e, Khoản 1, Điều 1 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 07/2016/TT-BTC (sau

			dây gọi tắt là “Điều lệ mẫu Công ty chứng khoán”) Bổ sung theo Khoản 1, Điều 1 của Nghị định 60/2015 sửa đổi bổ sung Nghị định 58/2012.
	Không quy định	1.1.18. “Chứng quyền có bảo đảm” có nghĩa là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.	
02	Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo pháp luật của Công ty 2.5.1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 2.Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2.5.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty chỉ có một (01) người làm người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi theo quy định: -Khoản 2, Điều 13 của Luật DN2014; -Khoản 1, Điều 3 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.

	2.5.2.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; <i>trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam</i> thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của Pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty; Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã uỷ quyền.	Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 3 của Luật DN2014.
	2.5.2.3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty <i>hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự</i> thì Hội đồng Quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5, Điều 13, LDN 2014.
	CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, CON DẤU, QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY	
03	Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh 5.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty: 5.1.1. Môi giới chứng khoán; 5.1.2. Tự doanh chứng khoán; 5.1.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán; 5.1.4. Tư vấn đầu tư chứng khoán.	Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo quy định tại K5, D 3, Nghị định 42/2015/NĐ-CP Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh nhằm đảm bảo định hướng hoạt động của Công ty cung cấp dịch vụ liên quan

			chứng khoán phái sinh trong thời gian tới.
04	Điều 60. Con dấu 60.1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật. 60.2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các bộ phận, cá nhân có liên quan sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của Pháp luật.	Điều 7. Con dấu 7.1. Số lượng, hình thức và nội dung mẫu con dấu của Công ty Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung, mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật. Quyết định về con dấu phải bao gồm các nội dung sau: 7.1.1. Mẫu con dấu, gồm: Hình thức, kích cỡ, nội dung, màu mực dấu. 7.1.2. Số lượng con dấu. 7.1.3. Quy định về quản lý và sử dụng con dấu. 7.1.4. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo đúng các Quyết định Công ty ban hành và quy định của Pháp luật. 7.2. Số lượng, hình thức, nội dung mẫu con dấu của các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Công ty Tổng Giám đốc quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của các chi nhánh và đơn vị khác trực thuộc Công ty. Quyết định về con dấu phải bao gồm các nội dung tương ứng quy định tại Khoản 7.1 nêu trên.	- Về bố cục: Điều lệ Công ty hiện hành quy định Con dấu tại Điều 60 nhưng Dự thảo Điều lệ lần 8 chuyển lên thành Điều 7. - Về nội dung sửa đổi lại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp 2014.
05	Điều 8. Các quy định về cấm và hạn chế 8.2. Quy định đối với người hành nghề	Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế 9.2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công	

	chứng khoán của Công ty 8.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty; 8.2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác; 8.2.3. Không được đồng thời làm Giám đốc/Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết; 8.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty; 8.2.5. Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.	ty <i>Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:</i> 9.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty; 9.2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác; 9.2.3. Không được đồng thời làm Giám đốc/Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết; 9.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty; 9.2.5. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.	- Bổ sung theo Điểm a, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ mẫu công ty chứng khoán. Sửa đổi theo Điểm c, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ mẫu công ty chứng khoán
	CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG		

06	Điều 11. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty 11.1. Hình thức cổ phần Tất cả các cổ phần được Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật. 11.2. Phát hành cổ phiếu Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. 11.3. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.	Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty Sửa đổi lại theo Khoản 4, Điều 11 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán
07	Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác	Điều 12. Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác 12.1. Cổ phần 12.1.1. Tất cả các cổ phần được Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết. 12.1.2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật. 12.1.3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật. 12.2. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật

12.1.5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty;	13.1.5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, thì Cổ đông được quyền đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: 13.1.5.1. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy; 13.1.5.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. 13.1.5.3. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu Cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười năm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, I.DN 2014 nhằm bổ sung rõ trách nhiệm của cổ đông khi yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu bị do bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác.
--	---	---

Điều 14: Chuyển nhượng và thu hồi cổ phần của Công ty
14.1. Chuyển nhượng cổ phần

14.1.3. Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là Cổ đông của công ty.

14.1.4. Trường hợp cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

14.1.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ đông của Công ty.

14.1.6. Trừ trường hợp có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3, Điều 126, LDN 2014 nhằm bổ sung thêm các quy định chuyển nhượng cổ phần do thừa kế, tặng cho cổ phần.

09	Điều 14. Mua lại cổ phần và Cổ phiếu quỹ 14.2. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông 14.2.1 Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu cổ phần của mình nếu cổ đông biểu quyết phân đôi hoặc từ chối biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề: thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức lại Công ty; 14.2.2. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên;	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 129, LDN 2014
10	Điều 15. Mua lại cổ phần và Cổ phiếu quỹ 15.2. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông 15.2.1. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu cổ đông biểu quyết phân đôi hoặc từ chối biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề: thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức lại Công ty; 15.2.2. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên;	Bỏ quy định này.
10	Điều 16. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải	Đề nghị bỏ điều khoản này vì thời hạn hoạt động của Công ty quá 15 năm, đã hết thời gian (03 năm) hạn chế chuyển nhượng cổ phần áp dụng cổ đông sáng lập của Công ty

	là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.		
11	Điều 20. Phát hành trái phiếu 20.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật. 20.2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành với điều kiện Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán. 20.3. Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu: 20.3.1. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó; 20.3.2. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ bình quân của Công ty trong ba (03) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành; 20.4. Công ty thừa nhận quyền chuyển	Điều 16 Phát hành trái phiếu 16.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật. 16.2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành với điều kiện Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán. 16.3. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. 16.4. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại Khoản 16.3 nếu trên. 16.5. Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng và thừa kế của các chủ nợ đối với trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, thừa kế tuân theo quy định của Pháp luật.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 127 của Luật DN 2014, bỏ quy định về điều kiện đối Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ.

	nhượng và thừa kế của các chủ nợ đối với trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, thừa kế tuân theo quy định của Pháp luật.		
12	Không quy định	Điều 17. Phát hành Chứng quyền có bảo đảm 17.1. Công ty có quyền phát hành Chứng quyền có bảo đảm theo các quy định của Pháp luật. 17.2. Quyền của Nhà đầu tư sở hữu Chứng quyền có bảo đảm: Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm của Công ty; được Công ty ưu tiên thanh toán tài sản trước chủ nợ không bảo đảm, cổ đông phổ thông, cổ đông ưu đãi trong trường hợp Công ty giải thể, bị phá sản theo quy định pháp luật liên quan; các quyền khác theo quy định của pháp luật. 17.3. Việc phát hành Chứng quyền có bảo đảm sẽ được Công ty thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục chào bán chứng quyền có bảo đảm theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung các quy định về việc phát hành Chứng quyền có bảo đảm nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
13	Điều 17. Sổ Đăng ký Cổ đông 17.2.1. Họ, tên, địa chỉ cư trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;	Điều 19. Sổ Đăng ký Cổ đông 19.2.2. Họ, tên, địa chỉ cư trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 121 Luật DN 2014
14	Điều 18. Quyền của cổ đông 18.1.2.2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm	Điều 20. Quyền của cổ đông 20.1.2.2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 114, Luật DN 2014.

	phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.	đồng sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 32.3, Điều 32 của Điều lệ này.	Sửa đổi theo quy định tại K2, D114, Luật DN 2014 nhằm quy định rõ hình thức, các nội dung cơ bản của 01 Bản yêu cầu khi cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra nội dung có liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
	18.1.3.2. Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục Sổ Biên bản họp và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, Báo cáo Tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng nội dung cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;	20.1.3.3. Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng tổng số cổ phần phổ thông được quyền: a. Xem xét và trích lục Sổ Biên bản họp và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, Báo cáo Tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát; b. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng nội dung cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. <i>Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i>	

18.1.8.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (01%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:	20.1.8.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (01%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:	Sửa đổi theo quy định tại Điều 161 Luật DN 2014.
a. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện đúng các quyền của quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện đúng đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện không đúng; không thực hiện đúng với Nghị quyết/Quyết định/Thông báo của Hội đồng Quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	a. Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý công ty theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị; c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và các văn bản nội bộ của Công ty. g. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chỉ phi khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.	
b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với Điều lệ này và với quy định của Pháp luật.		
18.1.10. Quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ	20.1.10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ	Sửa đổi theo Điểm c, Khoản 3, D 114, Luật DN 2014.

năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: 18.1.10.1. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; 18.1.10.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới thay thế; 18.1.10.3. Các trường hợp khác quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. 18.1.10.4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 18.1.11. Quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định Điều 27 của Điều lệ này.	đồng trong các trường hợp sau: 20.1.10.1. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; 20.1.10.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới thay thế; 20.1.10.3. Các trường hợp khác quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. 20.1.10.4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 20.1.11. Quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định Điều 28 của Điều lệ này.
---	--

15	Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông 19.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;	Sửa đổi theo Điểm a, Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông 21.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Pháp luật. <i>Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 122 của Luật DN 2014, đây là quy định mới của Luật DN 2014 nhằm quy định trách nhiệm cổ đông khi thay đổi địa chỉ thường trú phải thông báo cho các Công ty.
	21.6.1. Cung cấp địa chỉ thường trú, địa chỉ trụ sở chính chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. <i>Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ trụ sở chính thì phải thông báo kịp thời với Công ty hoặc thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Ngân hàng lưu ký để cập nhật địa chỉ vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</i>	

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

16	Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông 21.2.6. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc thông qua hợp đồng vay số tài sản của Công ty hoặc khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất được kiểm toán, soát xét của Công ty; 21.2.11. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát; 21.2.13. Tổng số tiền thù lao của các Thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;	Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông 22.2.6. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất được kiểm toán, soát xét của Công ty; 22.2.11. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị; 22.2.12. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; 22.2.13. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Thành viên Ban kiểm soát;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135 và Điểm d, Khoản 2 Điều 143 của LDN2014. Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 136 và Điểm , Khoản 2, Điều của Luật DN2014 và Điểm d, Khoản 1, Điều 24 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán. Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, 4,5 Điều 15 LDN 2014.
17	Điều 22. Các đại diện được ủy quyền 22.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối thiểu ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; 22.2. Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu	Điều 23. Các đại diện được ủy quyền 23.1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông: Tất cả các cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. 23.1.1. Ủy quyền của cổ đông Tổ chức: 23.1.1.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được	

	của mỗi người đại diện: 22.3. Việc cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn quy định, văn bản này chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo và trong thời hạn quy định. 23.1.1.2. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền; d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền. 23.1.1.3. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; 23.1.2. Cổ đông là cá nhân có quyền ủy quyền cho cá nhân khác làm người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình. Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân phải được thực hiện bằng văn bản theo quy định của Pháp luật. Văn bản ủy quyền phải đảm bảo bao gồm các nội dung như quy định tại Tiết 23.1.1.2 của Điều này. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.
18	Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

	23.3.2.Số Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số Thành viên theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn một nửa số Thành viên quy định trong Điều lệ; 23.4.1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm 23.3.2 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 23.3.3 và Điểm 23.3.4 Điều này.	24.3.2. Số Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số Thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật; hoặc Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ. 24.4.1.Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm 24.3.2 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 24.3.4 và Điểm 24.3.5 Điều này.	Bổ sung theo quy định Điểm b, Khoản 3, Điều 136 LDN 2014. Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 136 của LDN 2014 và điều khoản dẫn chiếu...
	23.4.2.Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 23.4.1 Điều này thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97-Luật Doanh nghiệp;	24.4.2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm 24.3.3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 24.4.1 và 24.4.2 Điều này thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo Điểm a, Khoản 3, Điều 156 của LDN 2014. Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu.
19	Điều 24.Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 24.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các nội dung sau: 24.1.1. Báo cáo Tài chính năm; 24.1.2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh	Điều 25.Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 25.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các nội dung sau: 25.1.1. Báo cáo Tài chính năm; 25.1.2. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; 25.1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 136 của LDN 2014.

doanh ở Công ty; 24.1.3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; 	hoạt động của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị; 25.1.4. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc; 25.1.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Thành viên Ban Kiểm soát;	Sửa đổi đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 137 của LDN 2014.
24.2.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	25.2.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và lập xong trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, Số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông; 25.2.2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	Sửa đổi theo quy định Khoản 2, Điều 114, LDN 2014.
24.3.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng; 24.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết của thảo nghị quyết cho từng nội dung trong chương trình họp.	25.3.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng; 25.4. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên.	Sửa đổi quy định tại Điểm d, Khoản 7, Điều 136 của LDN 2014.

20	Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 25.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 25.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 25.1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 26.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 26.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 26.1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 141 của Luật DN 2014.
	25.4.3. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp và Điều 22 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ quy định này	Vì đã được quy định tại Điểm 23.2.2, Khoản 23.2, Điều 23 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8.

21	Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 27. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi theo Điểm a, Khoản2, Điều 142 của LDN 2014.
	26.5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên còn lại của Thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì <i>Trường Ban kiểm soát</i> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;	27.5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì <i>Trường Ban kiểm soát</i> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;	

	26.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng có đông đủ số người đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: 26.8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; 26.8.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; 26.8.3. Trường hợp Đại hội đồng có đông đủ số người đăng ký dự họp tạm dừng trái với quy định nêu tại Điểm 26.8.1 và Điểm 26.8.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.	27.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: 27.8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; 27.8.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; 27.8.3. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết; 27.9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định tại Khoản 27.8 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.	Sửa đổi theo quy định tại Điểm b, Khoản 8, Điều 142 của LDN 2014.
22	Điều 27. Bầu đồn phiếu 27.1. 27.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cử viên được cử đông, nhóm cử đông để cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền để cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm	Điều 28. Bầu đồn phiếu 28.1. 28.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cử đông, nhóm cử đông để cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền để cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm	Sửa đổi đảm bảo phù hợp với Điểm a, Khoản 2, Điều 114 của LDN 2014.

	đồng khác-dễ cứ.		
23	Điều 28. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 29. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	28.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	29.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thay cho hình thức biểu quyết tại cuộc họp đối với mọi vấn đề nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các quyết định sau: 29.1.1. Sửa đổi bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; 29.1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; 29.1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; 29.1.4. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 29.1.5. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất của Công ty; 29.1.6. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại.	Sửa đổi theo tinh thần Điều 145 của LDN 2014.

28.2	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm 25.2.1, Khoản 25.2, Điều 25 của Điều lệ này.	29.2	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm 25.2.1, Khoản 25.2, Điều 25 của Điều lệ này.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 145 của LDN 2014
28.3.3	Họ, tên, địa chỉ cư trú, quốc tịch, số Giấy chứng thư minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ đặt Trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	29.3.3	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 145 của LDN 2014
28.5	Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	29.5	Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây: 29.5.1. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và	Sửa đổi theo quy định tại K4, Điều 145, LDN 2014 nhằm quy định rõ các hình thức cổ đông gửi lại Phiếu lấy ý kiến và bản.

		<i>Không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu:</i> 29.5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử. <i>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i> Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;	Sửa đổi theo quy định tại Điều c, Khoản 5, Điều 145 của LDN 2014
	28.6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản Kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản Kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 28.6.1. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; 28.6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và <i>phương thức gửi biểu quyết</i>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; 28.6.2. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	29.6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản Kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản Kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 29.6.1. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; 29.6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và <i>phương thức gửi biểu quyết</i>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6, Điều 145 của LDN 2004
	28.7. Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;	29.7. Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;	

	kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	28.9. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	29.9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu tỷ lệ số cổ đông biểu quyết tán thành đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 144 của LDN 2014.
24	Điều 29. Thông qua Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 29. Thông qua Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 30. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
	29.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	29.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	30.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:	Sửa đổi theo quy định Điều 144 của LDN 2014
	29.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất	29.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất	30.1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 30.1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; 30.1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; 30.1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất của Công ty; 30.1.5. Tổ chức lại, giải thể công ty; 30.2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại Khoản 30.1 này và Khoản 30.3 của Điều này. 30.3. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 28 của Điều lệ này, theo đó mỗi cổ đông có	

	ừ cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận hoặc ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). 29.3. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. 29.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định. 29.5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung đó được	tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. 30.4. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định. 30.5. <i>Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung đó vẫn phải được thông qua theo quy định tại Khoản 30.1 và Khoản 30.2 của Điều này.</i>	
--	---	---	--

	thống qua tương ứng theo quy định tại các Điều a và b Khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.	
25	Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố trên website Công ty. Bản chính thư của Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, Biên bản, sổ chữ ký của cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Điều 146 của LDN 2014 nhằm bổ sung thêm các hình thức lập biên bản ngoài việc lập bằng văn bản theo luật cũ, còn có thể ghi âm, các hình thức điện tử khác.
	Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 31.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và lập bằng tiếng Việt, có thể cả tiếng nước ngoài. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 31.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 31.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; 31.1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp; 31.1.4. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký; 31.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; 31.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; 31.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; 31.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; 31.1.9. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. 31.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.	

		31.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông. 31.4. Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 31.5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố trên website Công ty. 31.6. Các bản ghi chép, Biên bản Đại hội đồng cổ đông, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	
26	Điều 31. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông 31.1. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký hoặc từ ngày thông qua Nghị quyết/Quyết định ngày thông qua Nghị quyết/Quyết định hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết/Quyết định. 31.2. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc,	Điều 32. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông 32.1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua Nghị quyết hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi trong Nghị quyết. 32.2. Trường hợp Nghị quyết đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì Nghị quyết này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam có quyết	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 148 của LDN 2014. Sửa đổi theo quy định Khoản 3, tại Điều 148 của LDN 2014.

Ban Kiểm soát yếu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.	31.3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 31.3.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 31.3.2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết/Quyết định và nội dung Nghị quyết/Quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.	định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Sửa đổi theo quy định tại Điều 147 của Luật DN 2014.
	32.3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Tiết 20.1.2.2, Khoản 20.1, Điều 20 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 32.3.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 30.4, Điều 30 của Điều lệ này; 32.3.2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 32.3.3. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.		

27	Điều 32. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị	Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị	Sửa đổi theo quy định tại Điểm h, Khoản 2, Điều 149 của LDN 2014.
	32.2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất được kiểm toán, soát xét của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan; 32.2.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;	33.2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; 33.2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho bên thứ ba và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất được kiểm toán, soát xét của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại Khoản 52.1 và 52.3, Điều 52 của Điều lệ này; 33.2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của các những Người quản lý công ty đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 149 của LDN 2014
	32.2.10. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quy định thành lập Công ty con, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng Đại diện và góp vốn, mua cổ phần và cử đại diện mua cổ phần và cử đại diện phân vốn góp tại các doanh nghiệp trong giới hạn quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;	33.2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập Công ty con, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng Đại diện và góp vốn, mua cổ phần và cử đại diện phân vốn góp tại các doanh nghiệp trong giới hạn quy định của Điều lệ này, văn bản nội bộ Công ty và Pháp luật;	Chỉnh sửa văn phong, cấu chữ

32.2.12. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo Tài chính năm của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo Tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua;	33.2.13. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo Tài chính năm của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo Tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua;	Chỉnh sửa văn phong, câu chữ
32.2.15. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;	33.2.16. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;	Chỉnh sửa văn phong, câu chữ

	32.2.16. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;	Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;	Bổ sung theo Điểm q, Khoản 2, Điều 30 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	32.2.20. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;		LĐN 2014 không quy định nghĩa vụ này
	32.2.24. Quyết định các vấn đề trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và từ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; Hội đồng Quản trị từ chối thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);	32.2.24. Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh).	Nội dung lược bỏ đã được quy định đầy đủ tại Điều 32 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8.
	32.6. Trường hợp các Nghị quyết/Quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua nhưng vi phạm Pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức đình chỉ thực hiện Quyết định có liên quan.	33.6. Trường hợp các Nghị quyết/Quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua nhưng vi phạm Pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức đình chỉ thực hiện Quyết định có liên quan.	Bổ sung theo Khoản 4, Điều 149 của LĐN 2014.
28	Điều 33. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị	

33.1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là chín (09) người bao gồm một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (nếu có) và các Thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiểm soát hành và các Thành viên không điều hành căn cứ lộ trình theo định hướng tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	34.1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là chín (09) người bao gồm một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (nếu có) và các Thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiểm soát hành và các Thành viên không điều hành căn cứ lộ trình theo định hướng tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Sửa đổi lại để phù hợp thực tiễn vì hiện tại BVSC không có Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
33.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam.	34.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam.	
33.3. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này vì nội dung này đã được quy

	phẩm theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này. Trường hợp các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng Quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.	định tại Điều 28 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8.
29	Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị 34.4. Không phải là Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác; không được đồng thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là Thành viên Hội đồng Quản trị của các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc Công ty hoạt động theo Nhóm Công ty, bao gồm Công ty Mẹ - Công ty Con, Tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của Công ty quản lý quỹ. Công ty đầu tư chứng khoán.	Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị 35.4. Không phải là Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác; không được đồng thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là Thành viên Hội đồng Quản trị của các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc Công ty hoạt động theo Nhóm Công ty, bao gồm Công ty Mẹ - Công ty Con, Tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của Công ty quản lý quỹ. Công ty đầu tư chứng khoán.
		Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 30 Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng ("Thông tư 121/2012/TT-BTC")

	Công ty, bao gồm Công ty Mẹ - Công ty Con, Tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của Công ty quản lý quỹ.		
30	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và Biên bản cuộc họp 35.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn mười-lăm-(15)-ngày trong các trường hợp sau đây: 35.4.1. Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát; 35.8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm-(05)-ngày làm việc trước ngày họp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Thông báo phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các nội dung thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Thành viên.	Điều 36. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và Biên bản cuộc họp 36.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây: 35.1.1. Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên hội đồng quản trị độc lập; 36.8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Thông báo phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các nội dung thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Thành viên.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5, Điều 153 của LDN 2014 và Điểm a, Khoản 3, Điều 35 của Điều lệ mẫu Công ty chứng khoán. Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6, Điều 153 của LDN 2014.

35.11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.	36.11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 8, Điều 153 của LDN 2014.
35.17. Biên bản họp Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các Thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.	36.18. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 36.18.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng Quản trị có các nội dung chủ yếu sau đây: 36.18.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 36.18.1.2. Mục đích, chương trình và nội dung họp; 36.18.1.3. Thời gian, địa điểm họp; 36.18.1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; 36.18.1.5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; 36.18.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; 36.18.1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên	Sửa đổi theo quy định tại Điều 154 của LDN 2014 nhằm bổ sung thêm hình thức lập biên bản ngoài việc lập bằng văn bản theo luật cũ, còn có thể ghi âm, các hình thức điện tử khác và các nội dung cơ bản của Biên bản họp HDQT.

		tân thành, không tán thành và không có ý kiến; 36.18.1.8. Các vấn đề đã được thông qua; 36.18.1.9. Họ, tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và người ghi biên bản. 36.18.1.10. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 36.18.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 36.18.3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 36.18.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các Thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.	
31	Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị 36.1 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị: 36.1.1 Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này; 36.1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị 37.1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị: 37.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: 37.1.1.1. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này; 37.1.1.2. Thành viên không thực hiện quyền và nhiệm vụ của	Sửa đổi theo Điều 156 của LDN 2014.

	không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 36.1.3 Có đơn xin từ chức; 36.1.4 Có bằng chứng chứng tỏ Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi; 36.1.5 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 36.1.6 Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật.	minh trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 37.1.1.3. Thành viên Hội đồng Quản trị có đơn xin từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty; 37.1.1.4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi dân sự; 37.1.1.5. Thành viên Hội đồng Quản trị bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Thành viên đó không còn năng lực hành vi dân sự; 37.1.1.6. Các trường hợp khác theo quy định tại văn bản nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật. 37.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi lại nhằm quy định rõ phương thức Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trong trường hợp Hội đồng Quản trị bỏ nhiệm thành viên mới do thành viên cũ bị cách chức, miễn nhiệm.
36.2.1 Trong trường hợp một Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ	36.2.1 Trong trường hợp một Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó bằng hình thức lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị mới phải được chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ	37.2.1. Trong trường hợp một Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó bằng hình thức lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị mới phải được chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ	Sửa đổi lại nhằm quy định rõ phương thức Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trong trường hợp Hội đồng Quản trị bỏ nhiệm thành viên mới do thành viên cũ bị cách chức, miễn nhiệm.

	của Thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. Việc bổ nhiệm các Thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chính thức bầu mới Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	đồng có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. Việc bổ nhiệm các Thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chính thức bầu mới Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	
32	Điều 37. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành	Điều 38. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Điều 33 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	CHƯƠNG VI: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
33	Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu	Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện và	

	chuẩn, điều kiện và miễn nhiệm Tổng Giám đốc	miễn nhiệm Tổng Giám đốc	
	42.1.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;	43.1.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị phê duyệt;	Chỉnh sửa văn phong
		43.1.7. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;	Bổ sung theo quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 157 của LDN 2014.
42.1.6. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;		43.1.9. Toàn quyền quyết định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho bên thứ ba, giao dịch repo trái phiếu và các hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất được kiểm toán, soát xét của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại Khoản 52.1 và 52.3, Điều 52 của Điều lệ này;	Sửa đổi đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của BVSC.
		43.1.10. Đầu tư, sử dụng vốn; Tổng Giám đốc quyết định các khoản đầu tư, sử dụng vốn do Hội đồng Quản trị phân cấp, ủy quyền theo quy định tại Quy chế đầu tư của Công ty;	Sửa đổi đảm bảo phù hợp Dự thảo Quy chế quản lý tài chính và Quy chế đầu tư của BVSC.
42.1.8. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;		43.1.13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm n, Khoản 2, Điều 30 của Mẫu Điều lệ Công ty Chứng khoán/
42.2.3. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty;	42.2.3. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty;		Chỉnh sửa văn phong, câu chữ.

34	quyền;	Điều 44. Thư ký Công ty 44.1. Hội đồng Quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của Điều lệ này. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 44.1.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 44.1.1.1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập và chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát, ghi chép các biên bản họp; 44.1.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; tham dự các cuộc họp quy định tại Điểm 45.1.1. của Khoản này; Ghi chép các biên bản họp; đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với Pháp luật. 44.1.3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 44.1.4. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty; 44.1.5. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; 44.1.6. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; 44.1.7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5, Điều 152 của LDN 2014, bổ sung thêm một số nghĩa vụ của Thư ký Công ty
----	--------	--	---

	Pháp luật và Điều lệ Công ty. 44.2. Thư ký Công ty được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Pháp luật, của Điều lệ này và các quy định nội bộ khác của Công ty.	45.1.8. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty và Pháp luật. 45.1.9. <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và Pháp luật.</i> 45.2. Thư ký Công ty được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Pháp luật, của Điều lệ này và các quy định nội bộ khác của Công ty.	
	CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT	
35	Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 45.1 Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát 45.1.3 Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định của Hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;	Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 45.1 Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát 45.1.3 Thẩm định <i>tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực</i> báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; <i>45.1.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 165 của LDN 2014.
	45.1.6. Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18.1.8 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này đảm bảo phù hợp với Điều 161 của LDN 2014.

	xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.		46.1.14. Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bổ sung theo Điểm j, Khoản 1, Điều 43 của Điều lệ mẫu Công ty chứng khoán.
	45.2 Quyền của Ban Kiểm soát 45.2.1 Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao khi thấy cần thiết;		46.2 Quyền của Ban Kiểm soát 46.2.1 Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao khi thấy cần thiết; 46.2.2 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10 của Điều 165 của LDN 2014.
			46.2.4.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Điều 166 của LDN 2014
	45.2.4 Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác 45.2.4.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát; 46.2.5.3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo		46.2.5. Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các lợi ích khác như sau: 46.2.5.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát; 46.2.5.3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 167 của Luật DN 2014

	việc và mức thu lao hình quân hàng tháng hàng ngày của Thành viên; 45.2.4.3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty.	quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty.	
	45.4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 45.3 Điều này dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty và phải hoàn trả cho Công ty.	46.4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty và phải hoàn trả cho Công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 43 của Mẫu Điều lệ Công ty Chứng khoán.
36	Điều 46. Thành viên Ban Kiểm soát 46.2. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, các Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.</i> 47.3. Ban Kiểm soát phải có hơn một phần hai (1/2) số Thành	Điều 47. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát 47.2. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, các Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.</i> 47.3. Ban Kiểm soát phải có hơn một phần hai (1/2) số Thành	Tách Khoản 46.2 của Điều lệ hiện tại thành 02 khoản là Điều 47.2 và 47.4 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8. Ngoài ra, bổ sung quy định về nhiệm kỳ đối với

thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung, thay thế trong nhiệm kỳ tại Khoản 47.2 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8.		viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban Kiểm soát phải là <i>kiểm toán hoặc kế toán viên</i> và không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là Thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán Độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính cho Công ty. 47.4. Trường hợp Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Ban Kiểm soát mới, Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bầu và tiếp quản công việc.
Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 164 của LDN 2014.	Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát: 48.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 48.2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty; <i>không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</i> 48.3. <i>Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i> 48.6. <i>Là kiểm toán hoặc kế toán viên.</i>	46.4 Tiêu chuẩn của Thành viên Ban Kiểm soát: 46.4.1. Từ hai mươi một (21) tuổi trở lên; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 46.4.2 Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty và không phải là người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, của Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

46.5 Trưởng Ban Kiểm soát	46.5 Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát phải chỉ định một Thành viên Ban Kiểm soát là chủ tịch đồng chủ tịch của Công ty làm Trưởng ban, Trưởng ban là người có chuyên môn về kế toán tài chính, Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	48.7. Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát bầu một (01) Thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng ban, Trưởng ban phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 63, Luật DN 2014.
46.6 Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	46.6. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát 46.6.1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát;	Điều 49. Cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 49.1. Cách thức hoạt động của Ban kiểm soát: 49.1.1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 44, Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
46.7. Cách thức bầu chọn: Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định Điểm 18.1.1 Điều 18 của Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.	46.7. Cách thức bầu chọn: Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định Điểm 18.1.1 Điều 18 của Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.	Bổ quy định này	Bổ quy định này vì nội dung này đã được quy định tại Điều 28 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 8.
46.8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát	46.8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát	49.2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát 49.2.1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: 49.2.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên	
46.8.1 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường	46.8.1 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường		

hợp sau: 46.8.2 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 46.4 của Điều này; 46.8.3 Có đơn xin từ chức;	Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này; 49.2.1.2. Thành viên Ban kiểm soát có đơn xin từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty và được Công ty chấp thuận; 49.2.1.3. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự; 49.2.1.4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;	Sửa đổi lại nhằm quy định thời điểm có hiệu lực không còn là thành viên BKS áp dụng đối với trường hợp Thành viên BKS có đơn từ chức.
46.8.4 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các Thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; 46.8.5 Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 46.8.6 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát cho phép Thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	49.2.1.5. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 49.2.1.6. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép Thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; 49.2.2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 49.2.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 49.2.2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ này, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; 49.2.2.3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm theo Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. ...	Sửa đổi theo Điều 169, LDN 2014.
...	...	
CHƯƠNG VIII: NGHĨA VỤ CỦA	CHƯƠNG VIII	

	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY, CÁC GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC CHẤP NHẬN	
		Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan 50.1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 1.1.17 Điều 1 của Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty: 50.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm: 50.2.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; 50.2.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ; 50.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng; 50.4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 50.1 và Khoản 50.2 Điều này được thực hiện như sau:	

	50.4.1. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; 50.4.2. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của Công ty; 50.4.3. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc; 50.4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm 50.4.3 của Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này. 50.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
	Điều 51. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị,

	Điều 47. Trách nhiệm cần trọng Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và Ban Kiểm soát được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách Thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 48.4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các Thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu	Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý công ty 51.1. Trách nhiệm cần trọng Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách Thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. 51.2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 51.2.1. <i>Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i> Bỏ quy định này vì nội dung trùng lặp với Điều 67 Các Giao dịch được chấp thuận của Dự thảo Điều lệ này.
--	--	---

	trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 48.5. Hội đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, Hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là Thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: 48.5.1. Đối với hội đồng có giá trị từ dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc Tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng Quản trị	
--	--	--

	hoặc Tiền ban không có lợi ích liên quan; 48.5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; 48.5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty Con của Công ty vào thời	
--	--	--

	điều họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này. Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 49.1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra (nếu có). 49.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành	51.3. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và <i>Người quản lý Công ty</i> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra (nếu có). 51.4. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên Hội đồng Quản trị, <i>Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý Công ty</i>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn can vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, <i>Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý Công ty</i>, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	Chính sửa văn phong, câu chữ.
--	--	--	--------------------------------------

	động trung thực, cân trọng, miễn cán vị lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, ban bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	
	Điều 68. Các giao dịch phải được chấp thuận 68.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận: 68.1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu ba mươi lăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; 68.1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc;	Điều 52. Các giao dịch phải được chấp thuận 52.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận: 52.1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; hoặc 52.1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý công ty hoặc Người có liên quan đến những người này; hoặc 52.1.3. Doanh nghiệp, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý công ty sở hữu phần vốn Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 159 và Khoản 3, Điều 162 của Luật DN 2014 nhằm sửa đổi lại tỷ lệ sở hữu cổ phần cổ đông từ 35% xuống còn 10%. Sửa đổi lại đảm bảo phù hợp Điều 162 của LDN

	68.1.3. Người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc; 68.2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các Thành viên Hội đồng Quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại Trụ sở chính, Chi nhánh của Công ty. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; 68.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 68.2 của Điều này. Hội đồng Quản trị trình dự	góp hoặc cổ phần; hoặc 52.1.4. Doanh nghiệp mà những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ; 52.2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại Trụ sở chính, Chi nhánh của Công ty. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; 52.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 52.2 của Điều này. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại	2014. Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, D162 của LDN 2014, sửa đổi giá trị các hợp đồng từ 50% xuống 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong Báo cáo Tài chính được kiểm toán, soát xét gần nhất Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, D162 của Luật DN 2014.
--	---	---	---

	thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.	hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 của Luật 2014.
	CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	CHƯƠNG IX: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
	Điều 56. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một (31) tháng mười hai (12) dương lịch hàng năm.	Điều 53. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một (31) tháng mười hai (12) dương lịch hàng năm.	Bộ quy nội dung này vì Công ty đã hoạt động được 15 năm.

	CHƯƠNG XIV: SOÁT XÉT, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP		
	Điều 60. Soát xét, kiểm toán 60.2 Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận và do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua dựa trên đề xuất của Ban Kiểm soát. Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính cho năm tài chính đầu tiên do Hội đồng Quản trị chỉ định.	Điều 56. Soát xét, kiểm toán 56.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của Công ty Kiểm toán Độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. <i>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty Kiểm toán Độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán Độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp Tập đoàn Bảo Việt thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 70 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	CHƯƠNG XI: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN		
29	Điều 52. Cổ tức	Điều 57. Cổ tức	
	52.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến có đóng tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lợi nhuận, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và	57.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến có đóng tại Đại hội đồng cổ đông. <i>Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu tháng (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lợi nhuận, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và</i>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Đ132 của LDN 2014 nhằm bổ sung thời hạn thực hiện chi trả cổ tức trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

	theo quy định của Pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.	nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.	
	CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN		
	Điều 55. Trích lập các quỹ	Điều 59. Trích lập các quỹ <i>59.1.2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng năm phần trăm (05%) lợi nhuận ròng cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;</i>	Bổ sung theo Điều 14, Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Chứng khoán và Công ty quản lý quỹ.
	CHƯƠNG XIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN (tiếp)	CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	
	Điều 59. Công bố thông tin 59.2.2 Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo Tài chính năm kèm theo báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập;	Điều 62. Công bố thông tin 62.2.1. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 67 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	CHƯƠNG XVII: TRANH CHẤP, TỐ TỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		
	Điều 66. Các tranh chấp có thể xảy ra 66.1.2 Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý quy định tại Điều lệ này;	Điều 64. Các tranh chấp có thể xảy ra 64.1.2 Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý quy định tại Điều lệ này;	Sửa đổi theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 64 của Điều lệ mẫu công ty chứng khoán.
	CHƯƠNG XVI: GIẢI THỂ, GIA	CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SÀN	

	HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	CÔNG TY	
	Điều 62. Giải thể Công ty 62.1.2 Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Điều 68. Các trường hợp và điều kiện Giải thể Công ty 68.1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục <i>mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</i>;	Sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 201 của LDN 2014